

Số: 19 /2023/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 21 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù, thời gian sử dụng
và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị; gồm: cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức được giao quản lý tài sản cố định quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

2. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình:

a) Tài sản cố định đặc thù: Danh mục tài sản cố định đặc thù được quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Tài sản cố định vô hình: Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định vô hình được quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Việc quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 của Quyết định này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC và các văn bản pháp luật hiện hành.

3. Chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định riêng của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2023 và được áp dụng từ năm tài chính 2023.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản cố định đặc thù trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh, UB MTTQ tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- VPUB: LĐVP, Phòng HCTCQT, KT, Trung tâm Tin học và Công báo, Công TTĐT;
- Lưu: VT, (Luân).

7/18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *ds*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

PHỤ LỤC SỐ 1
DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số 19 /2023/QĐ-UBND ngày 21 / 9 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Danh mục
Loại 1	Cổ vật bằng gốm:
	- Gốm Việt Nam cổ - Gốm Trung Hoa cổ - Gốm cận hiện đại
Loại 2	Cổ vật kim loại:
	- Cổ vật vàng - Đồ đồng - Đồ sắt, tiền kim loại
Loại 3	Cổ vật bằng gỗ:
	- Tủ, bàn, ghế và giường
Loại 4	Di tích quốc gia:
	- Di tích lịch sử - văn hóa - Di tích kiến trúc - nghệ thuật - Di tích khảo cổ - Di tích thắng cảnh - Di tích lịch sử cách mạng
Loại 5	Lăng tẩm (đối với những lăng tẩm không thuộc loại 4 quy định tại Phụ lục này)
Loại 6	Các loại tài sản cổ định đặc thù khác



PHỤ LỤC SỐ 2
DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ TÍNH HAO MÒN ĐỐI VỚI
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số **19** /2023/QĐ-UBND ngày **21 / 9** /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
Loại 1	Quyền tác giả:		
	- Giá trị bằng phát minh sáng chế	50	2
	- Giá trị bản quyền tác giả	50	2
	- Giá trị bản quyền tác phẩm được bảo hộ theo luật Việt Nam	Suốt đời và 50 năm sau khi tác giả qua đời	2
Loại 2	Quyền đối với giống cây trồng:		
	- Cây đầu dòng	5	20
	- Vườn cây đầu dòng	5	20
Loại 3	Phần mềm ứng dụng:		
	- Cơ sở dữ liệu	5	20
	- Phần mềm kế toán	5	20
	- Phần mềm tin học văn phòng	4	25
	- Phần mềm ứng dụng khác	4	25
Loại 4	Tài sản cố định vô hình khác:	10	10